

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ  
TRƯỜNG THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010**

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 số 3700530696 vào ngày 21 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 312.498.390.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có đầu tư vào 11 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

### 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

	<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông	Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông	Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà	Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên
Bà	Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông	Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên
Ông	Huỳnh Phú Quốc	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

	<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông	Nguyễn Văn Hân	Trưởng ban
Bà	Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên
Bà	Trương Nữ Bích Vân	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Phó Tổng Giám đốc



### 3. Tình hình kinh doanh hợp nhất năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 15 tháng 04 năm 2011

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**VÕ TRƯỜNG THÀNH**



Số: 11.159/BCKTHN-DTL.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh hợp nhất đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 36 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2011



**TÀNG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**BÙI VĂN BÔNG**  
Chứng chỉ KTV số 0177/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,957,691,709,903</b>	<b>1,926,495,951,583</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>17,156,911,559</b>	<b>13,399,914,404</b>
1. Tiền	111		13,956,911,559	11,910,326,904
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,200,000,000	1,489,587,500
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	(5.2)	<b>15,085,100,000</b>	<b>14,727,443,950</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16,248,800,000	14,727,443,950
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(1,163,700,000)	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	(5.3)	<b>506,969,413,602</b>	<b>630,595,076,357</b>
1. Phải thu khách hàng	131		446,955,148,229	529,326,766,109
2. Trả trước cho người bán	132		47,420,142,844	28,986,149,839
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		16,458,366,156	74,977,308,083
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,864,243,627)	(2,695,147,674)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.4)	<b>1,351,591,162,186</b>	<b>1,207,080,874,257</b>
1. Hàng tồn kho	141		1,358,352,828,165	1,211,342,832,353
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6,761,665,979)	(4,261,958,096)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>66,889,122,556</b>	<b>60,692,642,615</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,001,358,704	1,442,307,941
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,613,965,495	2,610,315,786
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		323,579,564	455,022,180
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	62,950,218,793	56,184,996,708

*(Phần tiếp theo ở trang 5)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>692,914,795,052</b>	<b>649,186,734,441</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>540,268,268,811</b>	<b>504,035,473,223</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	399,133,452,153	411,010,442,839
+ Nguyên giá	222		473,849,045,823	457,090,283,285
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74,715,593,670)	(46,079,840,446)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	52,961,052,936	51,966,239,230
+ Nguyên giá	228		58,286,067,715	55,535,962,563
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,325,014,779)	(3,569,723,333)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.8)	88,173,763,722	41,058,791,154
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.9)	<b>142,697,006,478</b>	<b>136,383,720,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,542,060,210	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		142,683,720,000	136,383,720,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1,528,773,732)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9,949,519,763</b>	<b>8,767,541,218</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8,642,066,252	8,150,541,218
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,307,453,511	617,000,000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,650,606,504,955</b>	<b>2,575,682,686,024</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,841,098,552,449</b>	<b>1,795,576,390,931</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,721,309,577,249</b>	<b>1,667,089,976,674</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	1,494,849,252,043	1,167,421,500,546
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	129,645,941,698	440,027,123,118
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	51,174,612,557	15,469,011,774
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	5,262,084,879	9,095,132,891
5. Phải trả người lao động	315		25,260,263,637	23,008,623,998
6. Chi phí phải trả	316		7,445,538,278	3,207,277,913
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.13)	7,465,531,884	8,640,593,572
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		206,352,272	220,712,862
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>119,788,975,200</b>	<b>128,486,414,257</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		48,000,000	33,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.14)	119,141,719,537	127,919,405,110
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		518,801,118	453,554,600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		80,454,545	80,454,547
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>691,003,562,436</b>	<b>661,819,753,129</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.15)	<b>691,003,562,436</b>	<b>661,819,753,129</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		312,498,390,000	205,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		338,265,055,014	439,844,317,229
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3,212,548,834	3,212,548,834
4. Cổ phiếu quỹ	414		(420,631,294)	(324,041,400)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(1,143,166,489)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,152,120,739	6,152,120,739
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,767,885,040	3,767,885,040
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8,963,110	8,963,110
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27,519,230,994	5,301,126,066
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	(5.16)	<b>118,504,390,070</b>	<b>118,286,541,964</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,650,606,504,955</b>	<b>2,575,682,686,024</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		34.375.321.092	15.618.741.457
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	19.558.581.604
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.619.584.016	2.619.584.016
5. Ngoại tệ		-	-
+ USD		250.872	270.598
+ EUR		2.452	6.195
+ JPY		277.000	210.000
+ CNY		17.175	-
+ GBP		45	-
+ THB		3.960	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

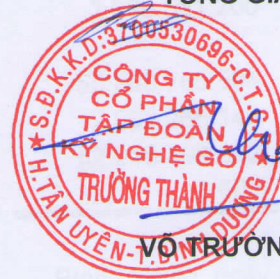
Bình Dương, ngày 15 tháng 04 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**NGUYỄN VĂN HẬU**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VÕ TRƯỜNG THÀNH**



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

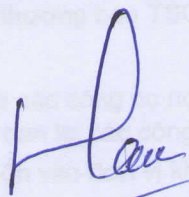
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.187.582.981.929	1.971.401.924.076
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19.839.122.177	1.865.790.264
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	2.167.743.859.752	1.969.536.133.812
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.810.979.298.018	1.756.202.882.194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		356.764.561.734	213.333.251.617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	17.038.783.922	18.115.471.643
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	192.858.991.653	107.123.309.261
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		171.001.681.340	104.846.776.763
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	28.602.730.188	22.996.743.638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	95.864.955.751	83.261.978.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.476.668.064	18.066.691.641
11. Thu nhập khác	31		5.588.333.336	15.829.940.804
12. Chi phí khác	32		2.742.734.414	3.613.716.746
13. Lợi nhuận khác	40		2.845.598.922	12.216.224.058
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(127.939.790)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		59.194.327.196	30.282.915.699
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		3.985.561.200	4.579.637.393
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		55.208.765.996	25.703.278.306
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		2.992.266.144	3.926.154.231
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		52.216.499.852	21.777.124.075
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	80	(5.15.3)	1.682	708

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẬU

Bình Dương, ngày 15 tháng 04 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



VỊ TRƯỞNG THÀNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		59,194,327,196	30,282,915,699
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		30,936,125,696	21,453,956,364
Các khoản dự phòng	03		6,361,277,568	1,926,868,644
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		4,407,161,098	94,824,603
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8,214,035,124)	(16,952,724,816)
Chi phí lãi vay	06		171,001,681,340	104,846,776,763
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>263,686,537,774</b>	<b>144,220,209,280</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		129,931,722,869	(357,414,914,455)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(147,009,995,812)	(107,967,978,012)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(302,446,021,704)	(79,515,995,698)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1,050,575,797)	1,812,060,660
Tiền lãi vay đã trả	13		(168,371,600,805)	(108,755,771,355)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,642,432,622)	(1,292,664,166)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		266,255,950	15,936,600,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4,940,887,500)	(7,549,876,033)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(232,576,997,646)</b>	<b>(500,528,329,780)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(66,258,777,161)	(57,315,178,944)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		471,095,874	5,153,742,806
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(29,212,108,000)	(27,753,078,500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13,974,751,950	45,040,919,255
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,823,461,818)	(19,836,458,900)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11,547,254,425	11,705,589,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,826,735,631	14,112,078,398
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(62,474,509,099)</b>	<b>(28,892,386,885)</b>

(Phần tiếp theo ở trang 10)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

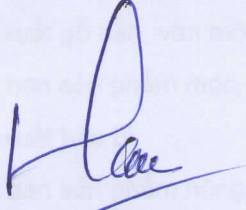
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31		5.050.000.000	12.630.524.742
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(101.430.000)	(3.210.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.345.436.165.479	2.941.614.866.091
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.028.164.920.342)	(2.430.550.804.527)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.424.031.900)	(21.403.402.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>298.795.783.237</b>	<b>502.287.974.306</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.744.276.493</b>	<b>(29.700.334.382)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>13.399.914.404</b>	<b>43.244.306.667</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.720.662	(144.057.881)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>17.156.911.559</b>	<b>13.399.914.404</b>

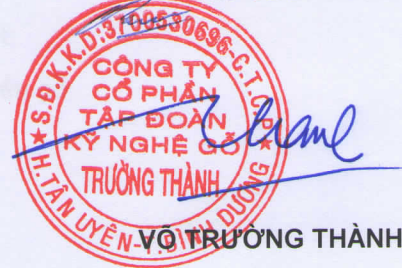
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**NGUYỄN VĂN HẬU**

Bình Dương, ngày 15 tháng 04 năm 2011

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VÕ TRƯỜNG THÀNH**

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 số 370053069 vào ngày 21 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 312.498.390.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có đầu tư vào 11 công ty con, được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

#### 1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

##### 1.3.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1)	Km 86 - Quốc lộ 14, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak	70,00%	70,00%
2.	Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	Thôn 05, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak	70,00%	70,00%
3.	Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	Khu phố 04, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	60,00%	64,16%



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)	C8 Khu Công Nghiệp Hòa Hiệp, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên	60,00%	65,58%
5.	Công ty Cổ Phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Daklak)	35 Đường Quang Trung, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Daklak	99,34%	100,00%
6.	Công ty Cổ Phần Trường Thành Xanh (Phú Yên)	81 Nguyễn Tất Thành, Phường 02, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	85,72%	100,00%
7.	Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Thủ Đức)	Đào Trinh Nhất, Khu phố 01, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	45,60%	89,06%
8.	Công ty Cổ Phần Trồng Rừng Trường Thành (Daklak)	35 Đường Quang Trung, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Daklak	51,00%	46,07%
9.	Công ty Cổ Phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	Khu phố 04, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	51,00%	99,84%

**1.3.2. Công ty con gián tiếp**

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Trường Thành - Phước An	Số 107 Đường Lê Duẩn, Khối 04, Thị trấn Phước An, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	50,00%	50,00%
2.	Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Xã Hoà Tiến, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	50,00%	82,31%

**1.4. Danh sách Công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất**

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ Phần Bao Bì Trường Thành	19 Đường số 11 (Đào Trinh Nhất), Khu phố 01, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	23,08%	53,70%

(Phần tiếp theo ở trang 13)

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### **3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

#### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành, báo cáo tài chính các công ty con đã được đề cập tại mục 1.3 của Thuyết minh này và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Các số dư và các giao dịch nội bộ đã được loại trừ. Tập đoàn có chính sách bán hàng không tạo ra lợi nhuận đối với các công ty trong Tập đoàn.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất tối đa không quá 10 năm.

#### **4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Giá thành được quyết toán theo từng đơn hàng. Đối với những đơn hàng còn dở dang, giá vốn được ước tính theo giá thành kế hoạch.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào ... và lò sấy tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2), và dây chuyền sản xuất ván xộp tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
+ Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
+ Thiết bị truyền dẫn	12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
+ Phần mềm tin học	05 – 30 năm

### Quyền sử dụng đất

Đối với Quyền sử dụng đất không thời hạn: Tập đoàn không tính khấu hao.

Đối với Quyền sử dụng đất có thời hạn: Tập đoàn tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

#### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

### 4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong 50 năm (từ năm 2000), Công ty được giảm 50% thuế TNDN từ năm 2007 đến năm 2010. Ngoài ra, Công ty còn được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu khi có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước và được giảm 20% thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% trên tổng doanh thu. Việc ưu đãi này sẽ được áp dụng đến hết năm 2011 theo quy định tại Nghị định 124/2008/NĐ-CP, ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN.

Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 20% trong 10 năm, trong đó Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

#### **4.12. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

#### **4.13. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được điều chỉnh hồi tố cho việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và 11 Công ty con như đã nêu tại mục 1.3 của thuyết minh này.

*(Phần tiếp theo ở trang 18)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.012.157.944	1.157.283.291
Tiền gửi ngân hàng – VND	8.452.366.055	4.700.773.039
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	4.381.779.318	4.856.074.812
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán – VND	110.608.242	90.606.762
Tiền đang chuyển	-	1.105.589.000
Các khoản tương đương tiền	<u>3.200.000.000</u>	<u>1.489.587.500</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>17.156.911.559</u></b>	<b><u>13.399.914.404</u></b>

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn	4.570.000.000	6.411.098.950
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.998.800.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>9.680.000.000</u>	<u>8.316.345.000</u>
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>16.248.800.000</b>	<b>14.727.443.950</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>(1.163.700.000)</u>	<u>-</u>
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b><u>15.085.100.000</u></b>	<b><u>14.727.443.950</u></b>

Các khoản cho vay ngắn hạn có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (Xem mục 8)	4.250.000.000	3.039.000.000
Các đối tượng khác	<u>320.000.000</u>	<u>3.372.098.950</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>4.570.000.000</u></b>	<b><u>6.411.098.950</u></b>

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn là 8.180.000.000 đồng cùng với khoản lãi phát sinh trong thời gian gửi tiền hiện đang được cầm cố, thế chấp tại ngân hàng cho các khoản vay ngắn hạn. (Xem thêm mục 5.10)

**5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	446.955.148.229	529.326.766.109
Trả trước cho người bán	47.420.142.844	28.986.149.839
Các khoản phải thu khác	<u>16.458.366.156</u>	<u>74.977.308.083</u>
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>510.833.657.229</b>	<b>633.290.224.031</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(3.864.243.627)</u>	<u>(2.695.147.674)</u>
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b><u>506.969.413.602</u></b>	<b><u>630.595.076.357</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Các bên liên quan (Xem mục 8)	254.220.713.054	448.872.578.422
Các đối tượng khác	<u>192.734.435.175</u>	<u>80.454.187.687</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>446.955.148.229</u></b>	<b><u>529.326.766.109</u></b>

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, các khoản phải thu hình thành từ các hợp đồng, đơn hàng trong tương lai hiện đang cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng có giá trị tương đương 21.722.084 USD. (Xem thêm mục 5.10)

Các khoản trả trước cho người bán được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Các bên liên quan (Xem mục 8)	8.781.534.221	2.603.285.776
Các đối tượng khác	<u>38.638.608.623</u>	<u>26.382.864.063</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>47.420.142.844</u></b>	<b><u>28.986.149.839</u></b>

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Các bên liên quan (Xem mục 8)	255.958.114	52.184.100.803
Các đối tượng khác	<u>16.202.408.042</u>	<u>22.793.207.280</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>16.458.366.156</u></b>	<b><u>74.977.308.083</u></b>

**5.4. Hàng tồn kho**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Hàng mua đang đi đường	1.627.731.693	3.328.914.732
Nguyên liệu, vật liệu	897.501.404.701	790.584.470.949
Vật liệu phụ	26.729.306.742	13.322.184.016
Đồ dùng thay thế	1.181.014.436	413.632.376
Chi phí thu mua nguyên liệu	6.651.843.477	7.225.561.905
Công cụ, dụng cụ	3.123.359.137	2.205.235.456
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	303.018.814.666	293.287.563.768
Thành phẩm	49.466.915.291	64.525.507.824
Hàng hóa	44.354.914.392	17.411.815.655
Hàng gửi đi bán	<u>24.697.523.630</u>	<u>19.037.945.672</u>
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>1.358.352.828.165</b>	<b>1.211.342.832.353</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(6.761.665.979)</u>	<u>(4.261.958.096)</u>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b><u>1.351.591.162.186</u></b>	<b><u>1.207.080.874.257</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

---

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, phần lớn giá trị hàng tồn kho hiện đang cầm cố thế chấp tại các Ngân hàng. (Xem thêm mục 5.10)

### 5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	57.122.447	156.054.812
Tạm ứng cho nhân viên	24.073.231.036	18.454.254.533
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	<u>38.819.865.310</u>	<u>37.574.687.363</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>62.950.218.793</u></b>	<b><u>56.184.996.708</u></b>

Khoản tạm ứng bao gồm khoản tiền ứng trước về việc thưởng cổ phiếu cho người lao động với số tiền là 14.009.605.522 đồng. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì không thể thu hồi được các khoản tạm ứng này thì Hội đồng quản trị sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất này theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 29 tháng 04 năm 2008.

*(Phần tiếp theo ở trang 21)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	221.108.895.472	210.349.928.221	21.614.016.617	3.917.003.975	100.439.000	457.090.283.285
Mua trong năm	224.061.454	13.171.279.634	3.831.814.065	100.404.000	263.340.504	17.590.899.657
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.084.479.062	236.257.000	-	-	1.275.967.125	3.596.703.187
Tăng khác	339.524.553	1.703.739.101	-	-	-	2.043.263.654
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.573.916.464)	(935.910.398)	-	(131.235.504)	(3.641.062.366)
Giảm khác	(1.384.497.878)	(65.833.332)	(1.261.405.384)	-	(119.305.000)	(2.831.041.594)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>222.372.462.663</b>	<b>222.821.454.160</b>	<b>23.248.514.900</b>	<b>4.017.407.975</b>	<b>1.389.206.125</b>	<b>473.849.045.823</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	25.633.768.057	15.558.254.308	3.279.396.411	1.600.051.754	8.369.916	46.079.840.446
Khấu hao trong năm	11.572.392.174	14.307.147.596	2.597.747.403	558.933.163	158.148.966	29.194.369.302
Thanh lý, nhượng bán	-	(357.901.055)	(161.668.183)	-	(4.458.625)	(524.027.863)
Giảm khác	(34.588.215)	-	-	-	-	(34.588.215)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>37.171.572.016</b>	<b>29.507.500.849</b>	<b>5.715.475.631</b>	<b>2.158.984.917</b>	<b>162.060.257</b>	<b>74.715.593.670</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	195.475.127.415	194.791.673.913	18.334.620.206	2.316.952.221	92.069.084	411.010.442.839
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>185.200.890.647</b>	<b>193.313.953.311</b>	<b>17.533.039.269</b>	<b>1.858.423.058</b>	<b>1.227.145.868</b>	<b>399.133.452.153</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.379.035.921 đồng.

Hầu hết tài sản cố định hữu hình hiện đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng. (Xem thêm mục 5.10)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	49.381.771.209	6.154.191.354	55.535.962.563
Mua trong năm	2.663.451.000	86.654.152	2.750.105.152
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.045.222.209</b>	<b>6.240.845.506</b>	<b>58.286.067.715</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	3.017.773.232	551.950.101	3.569.723.333
Khấu hao trong năm	1.455.776.438	299.515.008	1.755.291.446
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.473.549.670</b>	<b>851.465.109</b>	<b>5.325.014.779</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	46.363.997.977	5.602.241.253	51.966.239.230
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>47.571.672.539</b>	<b>5.389.380.397</b>	<b>52.961.052.936</b>

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 118.692.498 đồng.

Hầu hết tài sản cố định vô hình hiện đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay. (Xem thêm mục 5.10)

**5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm	Đầu năm
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 10.320 m2 đất tại Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	32.500.000.000	31.500.000.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Đức Bình Đông, Huyện Sông Hình, Tỉnh Phú Yên	1.203.500.000	1.203.500.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, Tỉnh Phú Yên	828.300.000	828.300.000
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 4.417 m2 đất tại Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương	-	2.650.200.000
Nhà máy veneer và nhà chứa bụi	9.043.473.891	-
Mua sắm máy móc thiết bị	34.596.584.882	1.493.959.858
Xây dựng cơ bản dở dang khác	10.001.904.949	3.382.831.296
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.173.763.722</b>	<b>41.058.791.154</b>

(Phần tiếp theo ở trang 23)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	1.542.060.210	-
Đầu tư dài hạn khác	<u>142.683.720.000</u>	<u>136.383.720.000</u>
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>144.225.780.210</b>	<b>136.383.720.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(1.528.773.732)</u>	-
<b>Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b><u>142.697.006.478</u></b>	<b><u>136.383.720.000</u></b>

Danh sách các công ty liên kết mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2010	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2010
Công ty Cổ Phần Bao Bì Trường Thành	<u>167.000</u>	<u>1.670.000.000</u>	<u>1.542.060.210</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>167.000</u></b>	<b><u>1.670.000.000</u></b>	<b><u>1.542.060.210</u></b>

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp và Thương Mại Lidovit	228.960	2.212.000.000	228.960	2.212.000.000
Công ty Cổ Phần Phú Hữu Gia	5.228.000	52.280.000.000	5.158.000	51.580.000.000
Công ty Cổ Phần Chế Biến Thực Phẩm Sông Hậu	444.608	12.226.720.000	444.608	12.226.720.000
Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt	300	30.000.000.000	300	30.000.000.000
Công ty Cổ Phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)		-		5.600.000.000
Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành	550.000	5.550.000.000	550.000	5.550.000.000
Cho Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành vay (Xem mục 8)		19.000.000.000		10.000.000.000
Cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Tân Phát vay		19.180.000.000		19.180.000.000
Cho Công ty Lâm Nghiệp Phước An vay		2.200.000.000		-
Trái phiếu chính phủ		<u>35.000.000</u>		<u>35.000.000</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>142.683.720.000</u></b>		<b><u>136.383.720.000</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng – VND	1.055.233.661.682	1.136.970.925.077
Vay ngân hàng – USD	409.873.590.361	1.985.753.340
Vay chiết khấu – USD	-	1.644.822.129
Vay các bên liên quan (Xem Mục 8)	200.000.000	-
Vay đối tượng khác	1.700.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>27.842.000.000</u>	<u>26.820.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.494.849.252.043</u></b>	<b><u>1.167.421.500.546</u></b>

Các khoản vay ngân hàng bằng VND và USD có lãi suất tùy thuộc vào từng hợp đồng và khế ước nhận nợ. Các khoản vay bằng VND có lãi suất từ 6,9%/năm đến 19,2%/năm. Các khoản vay bằng USD có lãi suất từ 1,58%/năm đến 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và hàng tồn kho. (Xem chi tiết tại các Mục 5.2, 5.3, 5.4, 5.6, 5.7)

### 5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	129.645.941.698	440.027.123.118
Người mua trả tiền trước	<u>51.174.612.557</u>	<u>15.469.011.774</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>180.820.554.255</u></b>	<b><u>455.496.134.892</u></b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả cho các bên liên quan, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (Xem Mục 8)	63.297.225.183	368.564.855.270
Các đối tượng khác	<u>66.348.716.515</u>	<u>71.462.267.848</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>129.645.941.698</u></b>	<b><u>440.027.123.118</u></b>

Người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (Xem Mục 8)	20.922.569.835	-
Các đối tượng khác	<u>30.252.042.722</u>	<u>15.469.011.774</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>51.174.612.557</u></b>	<b><u>15.469.011.774</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.125.582.407	4.196.635.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.963.848.503	4.569.593.222
Thuế thu nhập cá nhân	158.674.939	320.400.624
Các loại thuế khác	13.979.030	8.503.976
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.262.084.879</b>	<b>9.095.132.891</b>

### 5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	558.042.875	2.622.745.967
Kinh phí công đoàn	156.421.323	109.933.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	829.262.885	458.444.211
Phải trả lương nhân viên nghỉ việc	264.357.900	184.639.100
Nguồn quỹ giữ hộ Trung tâm đào tạo Trường Thành	56.372.641	210.854.595
Cổ tức phải trả	850.414.000	658.288.780
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.407.943.724	1.076.896.409
Phải trả các bên liên quan (Xem Mục 8)	1.342.716.536	3.318.791.510
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.465.531.884</b>	<b>8.640.593.572</b>

### 5.14. Vay và nợ dài hạn

Các khoản vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng với thời gian vay từ 5 năm đến 7 năm, lãi suất từ 14% đến 21%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, nhà xưởng, máy móc, thiết bị và nguyên liệu gỗ của các Công ty con.

(Phần tiếp theo ở trang 26)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.15. Vốn chủ sở hữu**

**5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: triệu đồng

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>205.000</b>	<b>439.844</b>	<b>3.213</b>	<b>(324)</b>	<b>(1.143)</b>	<b>6.152</b>	<b>3.768</b>	<b>9</b>	<b>5.301</b>	<b>661.820</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	55.209	55.209
Tăng vốn trong năm	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000
Tăng vốn từ thặng dư	102.498	-	-	-	-	-	-	-	-	102.498
Tăng khác	-	919	-	(101)	1.143	-	-	-	-	1.961
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(23.616)	(23.616)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.666)	(5.666)
Giảm khác	-	(102.498)	-	4	-	-	-	-	(3.709)	(106.203)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>312.498</b>	<b>338.265</b>	<b>3.213</b>	<b>(421)</b>	<b>-</b>	<b>6.152</b>	<b>3.768</b>	<b>9</b>	<b>27.519</b>	<b>691.004</b>

(Phần tiếp theo ở trang 27)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.15.2. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	31.249.839	20.500.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	31.249.839	20.500.000
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	12.648	8.444
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	31.237.191	20.491.556
Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

### 5.15.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	52.216.499.852	21.777.124.075
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	31.045.630	30.737.496
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>1.682</b>	<b>708</b>

### 5.15.4. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	5.301.126.066
Lợi nhuận sau thuế trong năm	55.208.765.996
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.665.866.590)
Chia cổ tức	(23.616.157.120)
Khác	(3.708.637.358)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>27.519.230.994</b>

### 5.16. Lợi ích cổ đông thiểu số

Số dư đầu năm	118.286.541.964
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	2.992.266.144
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	227.194.320
Thặng dư vốn cổ phần của cổ đông thiểu số giảm trong năm	(919.127.785)
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(705.808.120)
Các khoản giảm khác	(1.376.676.453)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>118.504.390.070</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	2.134.025.134.933	1.949.527.237.966
Doanh thu bán rừng trồng Keo lá tràm	29.786.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.592.240.668	10.312.865.087
Doanh thu gia công	6.534.279.710	9.537.448.828
Doanh thu vật liệu xây dựng	4.551.303.244	1.973.340.751
Doanh thu khác	94.023.374	51.031.444
Các khoản giảm trừ doanh thu	(19.839.122.177)	(1.865.790.264)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.167.743.859.752</b>	<b>1.969.536.133.812</b>

#### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	1.792.000.340.884	1.748.609.705.333
Giá vốn bán rừng trồng Keo lá tràm	5.498.000.000	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.719.803.315	2.709.742.693
Giá vốn gia công	5.346.486.544	1.512.863.989
Giá vốn vật liệu xây dựng	3.292.867.808	1.356.435.209
Dự phòng giảm giá	2.195.585.078	2.014.134.970
Khác	926.214.389	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.810.979.298.018</b>	<b>1.756.202.882.194</b>

#### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.081.993.713	2.163.240.000
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	8.082.334.685	3.211.648.273
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	-	8.400.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	-	859.222.125
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.874.455.524	3.481.361.245
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.038.783.922</b>	<b>18.115.471.643</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	171.001.681.340	104.846.776.763
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.601.431.260	3.481.892.834
Phí ngân hàng	3.400.052.721	1.008.752.481
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.741.327.862	(2.782.414.000)
Khác	1.114.498.470	568.301.183
<b>Tổng cộng</b>	<b>192.858.991.653</b>	<b>107.123.309.261</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.003.139.651	1.285.372.736
Chi phí vật liệu bao bì	294.559.383	1.710.577.316
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	845.671.981	697.187.068
Chi phí khấu hao	544.682.162	150.913.001
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	1.451.442.936	2.071.808.617
Chi phí xuất hàng	9.603.851.346	6.604.604.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.859.197.698	3.778.067.100
Chi phí bằng tiền khác	6.000.185.031	6.698.212.828
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.602.730.188</b>	<b>22.996.743.638</b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	64.720.131.312	55.258.226.069
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.391.625.110	3.414.050.109
Chi phí khấu hao	6.347.580.993	5.205.514.638
Thuế, phí và lệ phí	2.453.602.286	1.737.573.156
Chi phí dự phòng	637.499.753	2.357.087.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.220.040.516	8.805.585.530
Chi phí bằng tiền khác	9.094.475.781	6.483.941.678
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.864.955.751</b>	<b>83.261.978.721</b>

(Phần tiếp theo ở trang 30)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

#### 7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau

- Chế biến gỗ
- Trồng rừng
- Hoạt động khác

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	<u>Chế biến gỗ</u>		<u>Trồng rừng</u>		<u>Khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i> <u>Hợp nhất</u>	
	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009
	<b>Doanh thu</b>									
Từ khách hàng bên ngoài	2.163.046	1.969.067	3.561	107	1.137	362	-	-	2.167.744	1.969.536
Giữa các bộ phận	726.527	618.001	238	1.091	2.651	3.921	(729.417)	(623.013)		
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.889.573</b>	<b>2.587.068</b>	<b>3.799</b>	<b>1.197</b>	<b>3.788</b>	<b>4.283</b>	<b>(729.417)</b>	<b>(623.013)</b>	<b>2.167.744</b>	<b>1.969.536</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Kết quả của bộ phận	358.064	212.814	(858)	384	(151)	545	(291)	(409)	356.765	213.334
Chi phí không phân bổ	117.952	98.958	5.659	6.579	875	858	(18)	(136)	124.468	106.258
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	240.112	113.856	(6.517)	(6.195)	(1.026)	(313)	(273)	(273)	232.296	107.073
Thu nhập tài chính	18.569	27.854	1.390	2.580	3	1	(2.924)	(12.320)	17.039	18.114
Chi phí tài chính	204.008	117.751	1.660	246	308	59	(13.117)	(10.933)	192.858	107.124
Lợi nhuận khác	3.414	11.915	(870)	35	29	(7)	273	273	2.845	12.216
Lãi, lỗ công ty liên kết	(128)	-	-	-	-	-	-	-	(128)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.986	4.580	-	-	-	-	-	-	3.986	4.580
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>53.974</b>	<b>31.294</b>	<b>(7.657)</b>	<b>(3.826)</b>	<b>(1.302)</b>	<b>(379)</b>	<b>10.193</b>	<b>(1.386)</b>	<b>55.209</b>	<b>25.703</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.060	4.402	(838)	(424)	(230)	(52)	-	-	2.992	3.926
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>49.914</b>	<b>26.892</b>	<b>(6.819)</b>	<b>(3.402)</b>	<b>(1.072)</b>	<b>(327)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>52.217</b>	<b>21.777</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**Các thông tin khác**

	<u>Chế biến gỗ</u>		<u>Trồng rừng</u>		<u>Khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Hợp nhất</u>	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	2.960.131	2.876.479	145.723	121.053	8.913	11.639	(464.161)	(433.488)	2.650.606	2.575.683
Tài sản không phân bổ										
<b>Tổng tài sản</b>	<b><u>2.960.131</u></b>	<b><u>2.876.479</u></b>	<b><u>145.723</u></b>	<b><u>121.053</u></b>	<b><u>8.913</u></b>	<b><u>11.639</u></b>	<b><u>(464.161)</u></b>	<b><u>(433.488)</u></b>	<b><u>2.650.606</u></b>	<b><u>2.575.683</u></b>
Nợ phải trả của bộ phận	1.984.941	1.976.143	26.817	16.623	6.731	8.320	(177.390)	(205.510)	1.841.099	1.795.576
Nợ phải trả không phân bổ										
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b><u>1.984.941</u></b>	<b><u>1.976.143</u></b>	<b><u>26.817</u></b>	<b><u>16.623</u></b>	<b><u>6.731</u></b>	<b><u>8.320</u></b>	<b><u>(177.390)</u></b>	<b><u>(205.510)</u></b>	<b><u>1.841.099</u></b>	<b><u>1.795.576</u></b>
Chi phí mua sắm tài sản	64.702	58.396	319	241	1.729	1.222	-	-	66.750	59.859
Chi phí khấu hao	29.594	20.790	1.124	616	218	48	-	-	30.937	21.453

(Phần tiếp theo ở trang 32)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý.

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>									
	<u>Bình Dương</u>		<u>Daklak</u>		<u>Khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Hợp nhất</u>	
	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009
<b>Doanh thu</b>										
Từ khách hàng bên ngoài	1.565.591	1.352.918	588.170	609.495	13.983	7.123	-	-	2.167.744	1.969.536
Giữa các bộ phận	506.734	345.707	172.602	234.325	50.080	42.981	(729.417)	(623.013)		
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.072.325</b>	<b>1.698.625</b>	<b>760.773</b>	<b>843.819</b>	<b>64.063</b>	<b>50.104</b>	<b>(729.417)</b>	<b>(623.013)</b>	<b>2.167.744</b>	<b>1.969.536</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Kết quả của bộ phận	282.388	155.292	62.956	52.776	11.712	5.675	(291)	(409)	356.765	213.334
Chi phí không phân bổ	90.199	71.808	28.514	28.872	5.773	5.714	(18)	(136)	124.468	106.258
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	192.189	83.483	34.442	23.903	5.938	(40)	(273)	(273)	232.296	107.073
Thu nhập tài chính	8.198	17.430	11.661	12.960	104	44	(2.924)	(12.320)	17.039	18.114
Chi phí tài chính	151.393	76.693	50.649	39.869	3.933	1.495	(13.117)	(10.933)	192.858	107.124
Lợi nhuận khác	2.368	9.632	524	4.645	(320)	(2.334)	273	273	2.845	12.216
Lãi, lỗ công ty liên kết	(128)	-	-	-	-	-	-	-	(128)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.975	4.580	-	-	11	-	-	-	3.986	4.580
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>47.259</b>	<b>29.273</b>	<b>(4.021)</b>	<b>1.640</b>	<b>1.778</b>	<b>(3.824)</b>	<b>10.193</b>	<b>(1.386)</b>	<b>55.209</b>	<b>25.703</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	2.657	3.267	(1.157)	635	1.492	24	-	-	2.992	3.926
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>44.602</b>	<b>26.006</b>	<b>(2.864)</b>	<b>1.005</b>	<b>286</b>	<b>(3.848)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>52.217</b>	<b>21.777</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**Các thông tin khác**

	<u>Bình Dương</u>		<u>Daklak</u>		<u>Khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Hợp nhất</u>	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	2.249.312	2.053.501	738.295	837.707	127.160	117.964	(464.161)	(433.489)	2.650.606	2.575.683
Tài sản không phân bổ										
<b>Tổng tài sản</b>	<b><u>2.249.312</u></b>	<b><u>2.053.501</u></b>	<b><u>738.295</u></b>	<b><u>837.707</u></b>	<b><u>127.160</u></b>	<b><u>117.964</u></b>	<b><u>(464.161)</u></b>	<b><u>(433.489)</u></b>	<b><u>2.650.606</u></b>	<b><u>2.575.683</u></b>
Nợ phải trả của bộ phận	1.392.077	1.271.291	578.811	682.804	47.601	46.991	(177.390)	(205.510)	1.841.099	1.795.576
Nợ phải trả không phân bổ										
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b><u>1.392.077</u></b>	<b><u>1.271.291</u></b>	<b><u>578.811</u></b>	<b><u>682.804</u></b>	<b><u>47.601</u></b>	<b><u>46.991</u></b>	<b><u>(177.390)</u></b>	<b><u>(205.510)</u></b>	<b><u>1.841.099</u></b>	<b><u>1.795.576</u></b>
Chi phí mua sắm tài sản	61.091	40.413	4.624	12.861	1.035	6.585	-	-	66.750	59.859
Chi phí khấu hao	18.863	11.144	10.174	8.782	1.900	1.527	-	-	30.937	21.453

(Phần tiếp theo ở trang 34)

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

---

### **8. Thông tin về các bên có liên quan**

- Theo Chuẩn mực kế toán, các bên được xem là có liên quan với Công ty bao gồm các công ty sau:

- + Công ty con:

- Chế biến gỗ:*

- Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1)

- Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)

- Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)

- Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)

- Công ty Cổ Phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)

- Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Thủ Đức)

- Trồng rừng:*

- Công ty Cổ Phần Trồng Rừng Trường Thành (Daklak)

- Công ty Cổ Phần Trường Thành Xanh (Phú Yên)

- Công ty Cổ Phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Daklak)

- Khác:*

- Công ty Cổ Phần Vật liệu Xây Dựng Trường Thành - Phước An

- Công ty Cổ Phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An

- + Công ty liên kết

- Công ty Cổ Phần Bao Bì Trường Thành

- + Khác

- Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành

- Công ty Cổ Phần Phú Hữu Gia

- Công ty TNHH Dịch Vụ Trường Thành

- Công ty Cổ Phần Vũ Tuấn

- Công ty TNHH Lâm Nghiệp Hoàng Nam

- Công ty TNHH Ngọc Nguyễn

- Công ty TNHH Gia Phú Nguyễn

- Công ty TNHH Lâm Nghiệp Phương Mai

*(Phần tiếp theo ở trang 35)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các khoản phải thu – xem mục 5.3	263.258.205.389	503.659.965.001
Cho vay ngắn hạn – xem mục 5.2	4.250.000.000	3.039.000.000
Cho vay dài hạn – xem mục 5.9	<u>19.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>286.508.205.389</u></b>	<b><u>516.698.965.001</u></b>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các khoản phải trả – xem mục 5.11 & 5.13	85.562.511.554	371.883.646.780
Vay ngắn hạn – xem mục 5.10	<u>200.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>85.762.511.554</u></b>	<b><u>371.883.646.780</u></b>

- Bản chất các giao dịch với các bên liên quan và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng	1.227.834.008.783	1.128.491.149.198
Mua hàng	1.007.567.778.195	1.414.117.218.301
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	-	8.400.000.000
<b>Thu nhập của Ban điều hành và thù lao Hội đồng quản trị</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lương, thưởng Ban điều hành	2.640.746.577	1.748.348.917
Lương, thưởng của cán bộ quản lý	8.897.520.028	7.176.562.375
Thù lao Hội đồng quản trị	<u>580.000.000</u>	<u>496.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>12.118.266.605</u></b>	<b><u>9.420.911.292</u></b>

(Phần tiếp theo ở trang 36)

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

### 10. Các thông tin thuyết minh khác

Trong năm 2010, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ từ Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (được áp dụng cho năm 2009) sang áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được ghi nhận như là thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ thay vì được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái) như năm trước.

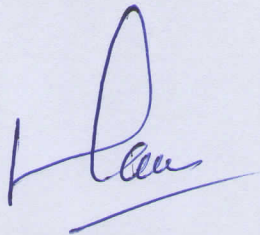
Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Tập đoàn đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2010 trở đi.

### 11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 04 năm 2011.

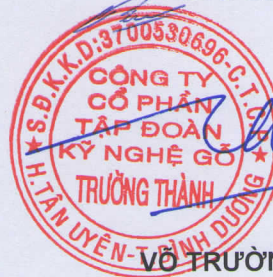
Bình Dương, ngày 15 tháng 04 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẬU

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ TRƯỜNG THÀNH